



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỬ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 26

189-C
CÔNG TY
HỮU
HẠN
T. L
PHỐ C

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quốc Tế Gốm Sứ Việt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.250.600.000 đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Low Kok Ann	Phó Chủ tịch
Bà Đỗ Hạnh Minh Châu	Thành viên
Ông Đỗ Duy Huynh	Thành viên
Ông Low See Ching	Thành viên
Ông Tay Eng Kiat Jackson	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Wu Pei Cong	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Mai Thị Xuân Vương	Thành viên
Ông Mai Quốc Khoa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Hồng Phúc	Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC





Số: 14.508/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông,**
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Gốm Sứ Việt (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 07 năm 2014 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Gốm Sứ Việt vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1714-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		118.220.043.300	91.049.817.747
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.689.760.212	12.429.404.769
1. Tiền	111		4.645.189.813	1.829.404.769
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.044.570.399	10.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	27.588.580.876	24.426.222.382
1. Phải thu khách hàng	131		25.621.327.663	23.942.636.309
2. Trả trước cho người bán	132		1.819.014.990	414.178.432
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		148.238.223	69.407.641
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	74.210.211.685	48.365.616.086
1. Hàng tồn kho	141		74.729.204.677	48.889.480.738
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(518.992.992)	(523.864.652)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.731.490.527	5.828.574.510
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	508.393.100	308.221.443
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.284.805.257	1.982.372.262
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.884.793.049	260.715.064
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		53.499.121	3.277.265.741

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.769.733.934	2.128.981.791
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.010.021.973	618.087.141
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	1.835.168.646	340.687.142
+ Nguyên giá	222		2.317.164.281	496.804.782
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(481.995.635)	(156.117.640)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	174.853.327	277.399.999
+ Nguyên giá	228		307.640.000	307.640.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(132.786.673)	(30.240.001)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.600.000.000	600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	600.000.000	600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	20.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.159.711.961	910.894.650
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	476.233.961	283.486.650
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	683.478.000	627.408.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		141.989.777.234	93.178.799.538

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		60.056.735.686	22.355.653.281
I. Nợ ngắn hạn	310		60.056.735.686	22.355.653.281
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	21.617.805.000	-
2. Phải trả người bán	312	5.12	25.681.282.072	15.206.619.690
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	6.347.010.533	5.017.475.456
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	3.130.082.144	42.799.480
5. Phải trả người lao động	315	5.15	1.800.000.000	1.000.000.000
6. Chi phí phải trả	316	5.16	1.189.237.680	1.040.090.135
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		291.318.257	48.668.520
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.933.041.548	70.823.146.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	81.933.041.548	70.823.146.257
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.250.600.000	24.250.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.328.949.300	43.328.949.300
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.353.492.248	3.243.596.957
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		141.989.777.234	93.178.799.538

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		5.004,57	100,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	196.091.634.903	118.128.477.702
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	2.382.728.920	1.562.235.849
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	193.708.905.983	116.566.241.853
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	138.642.375.017	71.816.002.178
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.066.530.966	44.750.239.675
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	995.671.372	849.664.161
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.477.050.335	805.673.107
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		379.159.904	590.752.853
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	32.545.477.114	31.395.804.880
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	8.783.745.200	8.067.432.309
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.255.929.689	5.330.993.540
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.746.672.154	3.105.526.330
12. Chi phí khác	32	6.8	122.900.584	2.685.951.950
13. Lợi nhuận khác	40		1.623.771.570	419.574.380
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.879.701.259	5.750.567.920
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	3.769.805.968	1.087.115.858
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.109.895.291	4.663.452.062

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI DUYỆT



ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.879.701.259	5.750.567.920
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		428.424.667	574.604.272
Các khoản dự phòng	03		(4.871.660)	523.864.652
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		272.395.512	92.368.185
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(983.346.978)	(2.529.544.185)
Chi phí lãi vay	06		379.159.904	590.752.853
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		14.971.462.704	5.002.613.697
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.156.220.954)	(16.494.614.737)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(25.839.723.939)	(8.214.603.132)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		17.360.938.761	(29.338.622.110)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(392.918.968)	3.579.352.851
Tiền lãi vay đã trả	13		(379.159.904)	(590.752.853)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(678.471.189)	(1.107.442.307)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.937.658.222	5.423.952.639
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9.828.331.602)	(6.700.226.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản	20		(1.004.766.869)	(48.440.342.332)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21		(1.820.359.499)	(878.196.201)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22		-	2.630.225.886
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các	23		(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		983.346.978	800.752.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.837.012.521)	1.952.782.132

(Phần tiếp theo trang 11)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	57.579.549.300
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.622.552.013	33.876.988.762
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.520.417.180)	(33.876.988.762)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	46.230.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		21.102.134.833	57.625.779.523
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(739.644.557)	11.138.219.323
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.429.404.769	1.291.185.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		11.689.760.212	12.429.404.769

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN XUÂN NHÂN
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI DUYỆT



ĐỖ HỒNG PHÚC
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.250.600.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết:

- Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường;
- Bán buôn bình đun nước nóng;
- Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác;
- Bán buôn các loại đá thiên nhiên, đá hoa cương, đá cẩm thạch.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, véc ni và sơn bóng; kính phẳng; gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; thiết bị và vật liệu để tự làm; máy cắt cỏ; phòng tắm hơi.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/07 đến 30/06. Riêng năm tài chính đầu tiên bắt đầu cho giai đoạn chuyển đổi phát sinh từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí chờ kết chuyển khác... và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỬ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- + Phương tiện vận tải truyền dẫn 01 - 06 năm
- + Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

Thời gian khấu hao ước tính như sau:

- + Tài sản cố định vô hình 03 năm

4.8 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thông kê kinh nghiệm.

4.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: được thực hiện theo Điều lệ của công ty.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.12 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN giai đoạn 6 tháng cuối năm 2013 là 25% và chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 là 22%.
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Thuế giá trị gia tăng
 - Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, phải trả dài hạn khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	104.650.484	70.761.619
Tiền gửi ngân hàng	4.540.539.329	1.758.643.150
Các khoản tương đương tiền	7.044.570.399	10.600.000.000
Tổng cộng	11.689.760.212	12.429.404.769

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	25.621.327.663	23.942.636.309
Trả trước cho người bán	1.819.014.990	414.178.432
Các khoản phải thu khác	148.238.223	69.407.641
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	27.588.580.876	24.426.222.382
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	27.588.580.876	24.426.222.382

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới – Xem thêm mục 7	114.168.560	14.623.071.055
Tổng cộng	114.168.560	14.623.071.055

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	722.010.857	125.060.660
Công cụ, dụng cụ	-	50.381.255
Hàng hóa	74.007.193.820	48.714.038.823
Cộng giá gốc hàng tồn kho	74.729.204.677	48.889.480.738
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(518.992.992)	(523.864.652)
Giá trị thuần có thể thực hiện	74.210.211.685	48.365.616.086

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	107.203.521	46.389.852
Chi phí chờ kết chuyển	401.189.579	261.831.591
Tổng cộng	508.393.100	308.221.443

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là khoản thuế nhập khẩu được hoàn lại.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	389.583.119	107.221.663	496.804.782
Mua trong năm	1.705.814.045	114.545.454	1.820.359.499
Số dư cuối năm	2.095.397.164	221.767.117	2.317.164.281
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	104.668.303	51.449.337	156.117.640
Khấu hao trong năm	289.696.324	36.181.671	325.877.995
Số dư cuối năm	394.364.627	87.631.008	481.995.635
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	284.914.816	55.772.326	340.687.142
Tại ngày cuối năm	1.701.032.537	134.136.109	1.835.168.646

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.703.481 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm Microsoft	VND
		Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	307.640.000	307.640.000
Số dư cuối năm	307.640.000	307.640.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	30.240.001	30.240.001
Khấu hao trong năm	102.546.672	102.546.672
Số dư cuối năm	132.786.673	132.786.673
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	277.399.999	277.399.999
Tại ngày cuối năm	174.853.327	174.853.327

5.8. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới với tỷ lệ góp vốn là 100%.

5.9. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản tiền gửi dài hạn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Vietcombank. Lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn gửi là 13 tháng. Mục đích gửi tiền là làm tài sản thế chấp để mở LC.

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thi công sửa chữa văn phòng 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	333.477.165	-
Phân bổ chi phí thi công kho chứa thiết bị vệ sinh	60.675.000	133.485.000
Phân bổ công cụ dụng cụ	82.081.796	150.001.650
Tổng cộng	476.233.961	283.486.650

5.11. Tài sản dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc tiền thuê kho Hiệp Bình Phước theo phụ lục hợp đồng số 02/12/PKHĐ	306.288.000	306.288.000
Đặt cọc tiền thuê kho Hiệp Bình Phước theo hợp đồng số 05-12/HDTN/I.G	171.072.000	171.072.000
Đặt cọc tiền thuê kho Hiệp Bình Phước theo phụ lục hợp đồng số 08/12/PKHĐ ngày 24/07/12	66.528.000	66.528.000
Đặt cọc tiền thuê nhà 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	139.590.000	83.520.000
Tổng cộng	683.478.000	627.408.000

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay USD của Công ty TNHH Hafary PTE theo Hợp đồng vay số 01/VCI-H ngày 1/2/2014. Giá trị 1.017.500 USD (tương đương 21.617.805.000 VND). Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	25.681.282.072	15.206.619.690
Người mua trả tiền trước	6.347.010.533	5.017.475.456
Tổng cộng	32.028.292.605	20.224.095.146

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải trả các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Gốm sứ Việt – Xem thêm mục 7	-	2.663.996.402
Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới – Xem thêm mục 7	1.282.148.941	236.709.913
Công ty TNHH Hafary International PTE Co., Ltd.	4.051.494.073	-
Tổng cộng	5.333.643.014	2.900.706.315

5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.091.334.779	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.747.365	42.799.480
Tổng cộng	3.130.082.144	42.799.480

5.15. Phải trả người lao động

Là khoản trích dự phòng quỹ lương.

5.16. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước hoa hồng	-	603.623.857
Trích trước chi phí vận chuyển	1.150.503.027	261.972.890
Trích trước chi phí gia công	-	65.523.650
Trích trước chi phí khác	38.734.653	108.969.738
Tổng cộng	1.189.237.680	1.040.090.135

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	24.250.600.000	43.328.949.300	(1.419.855.105)	66.159.694.195
Lợi nhuận năm trước	-	-	4.663.452.062	4.663.452.062
Số dư đầu năm nay	24.250.600.000	43.328.949.300	3.243.596.957	70.823.146.257
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.109.895.291	11.109.895.291
Số dư cuối năm nay	24.250.600.000	43.328.949.300	14.353.492.248	81.933.041.548

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vốn góp của các cá nhân	12.367.800.000	12.367.800.000
Vốn góp của Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE	11.882.800.000	11.882.800.000
Tổng cộng	24.250.600.000	24.250.600.000

5.17.3. Cổ phần

	Cuối năm	VND Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.425.060	2.425.060

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán hàng	196.091.634.903	118.128.477.702
Hàng bán bị trả lại	(2.382.728.920)	(1.542.713.873)
Giảm giá hàng bán	-	(19.521.976)
Doanh thu thuần	193.708.905.983	116.566.241.853

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	138.637.503.357	71.292.137.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.871.660	523.864.652
Tổng cộng	138.642.375.017	71.816.002.178

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	983.346.978	800.752.447
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.324.394	33.899.035
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.012.679
Tổng cộng	995.671.372	849.664.161

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	379.159.904	590.752.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	825.494.919	107.539.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	272.395.512	107.380.864
Tổng cộng	1.477.050.335	805.673.107

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên bán hàng	6.987.843.742	7.640.473.381
Chi phí vật liệu bao bì	-	31.320.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.302.622.406	1.173.028.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	428.424.667	574.604.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.166.620.010	15.050.523.722
Chi phí bằng tiền khác	4.659.966.289	6.925.854.960
Tổng cộng	32.545.477.114	31.395.804.880

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.923.636.837	5.992.807.340
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	-	102.315.242
Thuế, phí và lệ phí	176.722.662	367.153.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	932.338.571	733.824.515
Chi phí bằng tiền khác	751.047.130	871.332.160
Tổng cộng	8.783.745.200	8.067.432.309

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phí vận chuyển	14.289.253	34.251.208
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	314.947.273	42.727.272
Thu thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	-	2.630.225.886
Chiết khấu thanh toán	785.033.228	328.944.749
Khác	632.402.400	69.377.215
Tổng cộng	1.746.672.154	3.105.526.330

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi thanh lý công cụ dụng cụ	-	1.767.075.577
Chi thanh lý tài sản cố định	-	901.434.148
Khác	122.900.584	17.442.225
Tổng cộng	122.900.584	2.685.951.950

6.9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	14.879.701.259	5.750.567.920
Các khoản điều chỉnh tăng	2.517.358.331	1.846.295.246
+ Chi phí không hợp lệ	2.517.358.331	510.863.540
+ Lãi chưa thực hiện của năm nay	-	1.335.431.706
Các khoản điều chỉnh giảm	1.335.431.706	-
+ Lãi chưa thực hiện của năm trước	1.335.431.706	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	16.061.627.884	7.596.863.166
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(19.900.362)	(1.384.772.549)
Thu nhập tính thuế sau chuyển lỗ	16.041.727.522	6.212.090.616
Trong đó :		
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 25%	8.020.863.761	-
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 22%	8.020.863.761	-
Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 25%	2.005.215.940	-
Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 22%	1.764.590.027	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.769.805.968	-
Thuế TNDN được giảm 30% theo Thông tư 140/2012/TT-BTC	-	(465.906.796)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.769.805.968	1.087.115.858

Theo luật thuế TNDN có hiệu lực từ 01/01/2014, tỷ lệ thuế TNDN đã giảm xuống là 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	138.642.375.017	71.816.002.178
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.302.622.406	1.306.663.787
Chi phí nhân công	13.911.480.579	13.633.280.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	428.424.667	574.604.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.098.958.581	16.151.501.289
Chi phí khác bằng tiền	7.187.687.000	11.288.812.177
Tổng cộng	181.571.548.250	114.770.864.424

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới	Công ty con
2. Công ty TNHH Hafary PTE	Công ty mẹ
3. Công ty TNHH Hafary International PTE	Công ty cùng Tập đoàn
4. Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE.	Cổ đông chính
5. Công ty TNHH Foshan Hafary Trading	Công ty cùng Tập đoàn
6. Công ty TNHH Gốm sứ Việt	Công ty có cùng cá nhân nắm quyền kiểm soát

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.2	114.168.560	14.623.071.055
Phải trả – Xem thêm mục 5.12 và 5.13	(26.951.448.014)	(2.900.706.315)

(phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới		
Bán hàng	68.156.472.003	16.158.100.641
Mua hàng	343.616.998	2.326.508
Công ty TNHH Gốm Sứ Việt		
Bán hàng	-	93.873.043
Mua hàng	-	3.306.625.530
Công ty TNHH Hafary PTE		
Nhận tiền vay	21.617.805.000	-
Công ty TNHH Hafary International PTE		
Mua hàng	4.261.229.093	-
Công ty TNHH Foshan Hafary Trading		
Mua hàng	173.357.676	-

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.263.660.000	1.451.370.000
Tổng cộng	1.263.660.000	1.451.370.000

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

(phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		VND
	30/06/2014	01/07/2013	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.689.760.212	12.429.404.769	
Phải thu khách hàng	25.621.327.663	23.942.636.309	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn	686.827.121	3.879.673.741	
Đầu tư dài hạn khác	20.000.000.000	-	
Tổng cộng	57.997.914.996	40.251.714.819	
Công nợ tài chính			
Vay ngắn hạn	21.617.805.000	-	
Phải trả người bán	25.681.282.072	15.206.619.690	
Chi phí phải trả	1.189.237.680	1.040.090.135	
Tổng cộng	48.488.324.752	16.246.709.825	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/07/2013	30/06/2014	01/07/2013
Đô la Mỹ (USD)	1.902.853,45	528.778,57	51.596,28	138.691,92
Euro (EUR)	205.005,48	21.317,44	-	12.653,83

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

		VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Tổng
Vay ngắn hạn	21.617.805.000	21.617.805.000
Phải trả người bán	25.681.282.072	25.681.282.072
Chi phí phải trả	1.189.237.680	1.189.237.680

		VND
01/07/2013	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.206.619.690	15.206.619.690
Chi phí phải trả	1.040.090.135	1.040.090.135

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	25.621.327.663	-	25.621.327.663
Ký quỹ, ký cược	3.349.121	683.478.000	686.827.121
Đầu tư dài hạn khác	-	20.000.000.000	20.000.000.000

			VND
01/07/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	23.942.636.309	-	23.942.636.309
Ký quỹ, ký cược	3.252.265.741	627.408.000	3.879.673.741

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 24 tháng 07 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc